

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 9 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; ông Lò Văn Thôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sòng Nở Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 112/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản L, xã L2, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08/5/2022 và bản tự khai đề ngày 08/5/2022 nguyên đơn chị Quàng Thị N trình bày:

- Chị và anh Lò Văn T sau một thời gian tìm hiểu rồi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vào ngày 23/7/2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa T, hạnh phúc được thời gian là 03 năm xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng khi vào năm 2019 anh Lò Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị kết án phạt tù với thời hạn là 03 năm, đến ngày 06/4/2022 thì

thi hành án xong và trở về địa phương. Tuy nhiên, đến nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa nên chị đề nghị xin được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là B, sinh ngày 06/6/2015. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lò Văn T trình bày tại bản tự khai, biên bản phiên hòa giải và tại phiên tòa như sau: Anh đồng ý với các nội dung về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Tuy nhiên, với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn được hàn gắn, anh cho rằng việc anh phạm tội về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị kết án phạt tù 03 năm thì anh chỉ vi phạm pháp luật chứ không có lỗi gì với vợ con và quan hệ hôn nhân của mình.

- Về con chung: anh xác định anh và chị N có 01 con chung là B, sinh ngày 06/6/2015 nếu ly hôn thì anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị N, và đề nghị Tòa xác định mặc dù chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng con vẫn là con chung của anh và chị N, anh vẫn có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh cũng xác nhận giữa anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung gì nên không có đề nghị Tòa giải quyết vấn đề này. Tuy tại bản tự khai và biên bản phiên hòa giải anh có yêu cầu nếu ly hôn thì chị N phải trả lại cho anh tiền tổ chức đám cưới và các tài sản là lễ vật khi tiến hành làm đám cưới dù là nhỏ nhất từ cái kim đến sợi chỉ nhưng tại phiên tòa anh rút đề nghị này và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quảng Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Lò Văn T. Giao cho chị N được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung là B, sinh ngày 06/6/2015; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Chị N và anh T đều nhất trí là anh chị không có nợ chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị N phải nộp án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị N có hộ khẩu thường trú tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La nhưng bị đơn Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nên được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị N kết hôn với anh Lò Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vào ngày 23/7/2014 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh T đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gia đình đỉnh điểm xuất phát từ việc anh T sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị kết án phạt tù và phải đi thi hành án trong một thời gian dài nên cuộc sống chung không đảm bảo, không thể cùng nhau vun vén, xây dựng cuộc sống gia đình, dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Sau khi anh T đi chấp hành án về có mong muốn được hàn gắn tình cảm, xây dựng lại gia đình nhưng chị N xác định không còn tình cảm với anh T và cương quyết xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị N ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T đều thừa nhận có 01 con chung là B, sinh ngày 06/6/2015. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải trợ cấp nuôi con cùng, anh T cũng nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Bên cạnh đó, kể từ khi anh T đi chấp hành án phạt tù thì con chung vẫn luôn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung, để cháu có thể phát triển tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của chị N là tiếp tục để con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Anh T có quyền đi lại

thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở tuy nhiên cũng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và ảnh hưởng đến cuộc sống của người còn lại theo đúng quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị N và anh Lò Văn T đều nhất trí quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa xem xét giải quyết, do vậy HĐXX không đặt vấn đề giải quyết về tài sản chung và nợ chung của đương sự.

[5] Về án phí: Chị Quàng Thị N phải chịu án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, xin nuôi con chung của chị Quàng Thị N đối với anh Lò Văn T.

- Xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn anh Lò Văn T.

- Giao con chung là B, sinh ngày 06/6/2015 cho chị Quàng Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Quàng Thị N. Anh Lò Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Quàng Thị N phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001701 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKD nhân dân huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các Đương sự;
- UBND xã Mường Lạn, Sốp Cộp.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 09 tháng 9 năm 2022.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông; bà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị N, sinh năm 1988, địa chỉ: Bản Mường Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản Huổi Tư, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về quan hệ pháp luật: Xin ly hôn; Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn với anh Lò Văn T; Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Giao cho chị Quàng Thị N **trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là B**, sinh ngày 06/6/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con theo nhau, anh Lò Văn T được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết; Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về nợ chung: Không có; Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Về án phí: Chị Quàng Thị N phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai số 00001701 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Kết quả biểu quyết 3/3

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Kết quả biểu quyết 3/3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung